Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/VIPACO/2018

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ ỨNG DỤNG SẢN XUẤT BAO BÌ VIỆT

Địa chỉ: Đường D1 – KCN Phố Nối A – Giai Phạm – Yên Mỹ - Hưng Yên

Điện thoại: 0221.3967779/3967780 Fax: 0221.3967781

E-mail: Vipacoltd@vnn.vn

Mã số doanh nghiệp: 0900254328

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Bao bì túi nhựa PA/PE

2. Thành phần: Màng PA nhập khẩu và Hạt nhựa LDPE

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Cuộn màng, túi được xếp khối và bọc bằng giấy hoặc nylon, đóng thùng.

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

Theo yêu cầu của khách hàng.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số QCVN 12-1 : 2011/BYT VỀ AN TOÀN VỆ SINH ĐỐI VỚI BAO BÌ, DỤNG CỤ BẰNG NHỰA TỔNG HỢP TIẾP XÚC TRỰC TIẾP VỚI THỰC PHẨM

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày 02 tháng 05 năm 2018

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: 84-24322622215 / 84-24322622216 Fax: 84-24395355738 * Website: www.nifc.gov.vn

Số/No: 26232/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu/ *Name of sample:* Túi PA/ *PA bag*
2. Mã số mẫu/ *Sample code:* 12175806/DV.2
3. Mô tả mẫu/ *Sample description:* Mẫu túi (180g) - Số lượng: 1
   NSX - HSD: không có; Không có mẫu lưu
   Bag sample (180g) – Quantity: 1
   MFG – EXP: No information; No storage sample
4. Số lượng mẫu/ *Number of sample:* 01 mẫu/ *01 sample*
5. Thời gian lưu mẫu/ *Storage time of sample:* Không có/ *No information*
6. Ngày lấy mẫu/ *Sampling date:* Không có/ *No information*
7. Ngày nhận mẫu/ *Sampling received date:* 12/12/2017
8. Thời gian thử nghiệm/ *Testing time:* 12/12/2017 - 21/12/2017
9. Nơi gửi mẫu/ *Customer:* Công ty TNHH Đầu tư ứng dụng sản xuất bao bì Việt
   Địa chỉ: Đường D1 - Khu Công nghiệp Phố Nối A - Xã Giai Phạm
   Huyện Yên Mỹ - Tỉnh Hưng Yên
   Viet Investment Packaging Application Manufacture Co., Ltd
   Address: Street D1 – Pho Noi A industrial park – Giai Pham village
   Yen My district – Hung Yen province
10. Kết quả thử nghiệm/ *Test results:* Chỉ tiêu Hóa lý/ *Physicochemical tests*

STT/ No.	*Tên chỉ tiêu/ Parameters*	*Đơn vị/ Unit*	*Phương pháp thử/ Test method*	*Kết quả/ Results*
10.1	Thôi nhiễm kim loại nặng trong axit axetic 4%, 60°C/30 phút/ *Immigration heavy metal in acetic acid 4%, 60°C/30 minutes*	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH/ *Not detected* (LOD: 0.4 µg/mL)
10.2	Hàm lượng Cadmi/ *Cadmium content*	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH/ *Not detected* (LOD: 0.002 µg/g)
10.3	Hàm lượng Chì/ *Lead content*	µg/g	QCVN 12-1:2011/BYT	0.022
10.4	Thôi nhiễm $KMnO_4$ trong nước 60°C/30 phút/ *Immigration $KMnO_4$ in water 60°C/30 minutes*	µg/L	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH/ *Not detected* (LOD: 0.05 µg/L)
10.5*	Hàm lượng Cặn khô trong acid acetic 4%, 60°C/30 phút/ *Dry residue content in acetic acid 4%, 60°C/30 minutes*	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH/ *Not detected* (LOD: 5 µg/mL)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
*4. Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được công nhận VILAS*

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam
Điện thoại: 84-2432262215 / 84-2432262216 Fax: 84-2439335738 * Website: www.nifc.gov.vn

STT/ No.	Tên chỉ tiêu/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử/ Test method	Kết quả/ Results
10.6*	Hàm lượng Cặn khô trong ethanol 20%, 60°C/30 phút/ *Dry residue content in ethanol 20%, 60°C/30 minutes*	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH/ *Not detected* (LOD: 5 µg/mL)
10.7*	Hàm lượng Cặn khô trong heptan 25°C/1h *Dry residue content in heptan 25°C/1 hour*	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH/ *Not detected* (LOD: 5 µg/mL)
10.8*	Hàm lượng Cặn khô trong nước, 60°C/30 phút/ *Dry residue content in water, 60°C/30 minutes*	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH/ *Not detected* (LOD: 5 µg/mL)
10.9*	Hàm lượng thôi nhiễm caprolactam trong Ethanol 20%, 60°C/30 phút *Immigration Caprolactam content in ethanol 20%, 60°C/30 minutes*	µg/mL	QCVN 12-1:2011/BYT	KPH/ *Not detected* (LOD: 1 µg/mL)

Ghi chú: *KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)*
Note: *Not dectected (mean the test result is below the detection limit of the method-LOD)*

Hà Nội, 21/12/2017
TUQ.VIỆN TRƯỞNG
On behalf of General Director
TRƯỞNG PHÒNG QLCL
Quality Management dept. manager

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

ThS. Lê Thị Phương Thảo
Msc. Le Thi Phuong Thao

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm ATVSTPQG
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
*4. Chỉ tiêu đánh dấu * là chỉ tiêu được công nhận VILAS*